

MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ

TRẦN THỊ MÙI*

Thời gian qua, thi hành án hình sự tại Việt Nam đã góp phần bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, duy trì trật tự xã hội và thực hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước. Tuy nhiên, thực trạng thi hành án hình sự vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập cần có các giải pháp để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn và hội nhập quốc tế, hướng đến một hệ thống thi hành án hình sự hiệu quả, nhân văn và bảo đảm thượng tôn pháp luật.

Từ khóa: Hoàn thiện pháp luật; duy trì trật tự xã hội; thi hành án hình sự; thượng tôn pháp luật.

In recent years, the enforcement of criminal judgments in Vietnam has played a crucial role in upholding the rule of law, maintaining social order, and implementing the State's humanitarian policies. However, the current state of criminal judgment enforcement still faces numerous limitations and shortcomings, necessitating the development of appropriate solutions to meet practical demands and international integration requirements, aiming to build an effective and humane criminal enforcement system that fully upholds the rule of law.

Keywords: Legal improvement; maintaining social order; criminal judgment enforcement; rule of law.

NGÀY NHẬN: 16/3/2025

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 27/6/2025

NGÀY DUYỆT: 15/8/2025

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.355.2025.1262>

1. Đặt vấn đề

Công tác thi hành án hình sự là khâu cuối cùng trong chu trình tố tụng, là một mắt xích quan trọng trong chuỗi hoạt động tư pháp, góp phần quan trọng vào việc duy trì trật tự pháp luật, bảo vệ công lý và xây dựng một xã hội an toàn, lành mạnh. Tuy nhiên, pháp luật về thi hành án hình sự ở Việt Nam đang đứng trước những yêu cầu và thách thức mới, đặc biệt trước sự phức tạp của tình hình tội phạm; sự phát triển của công nghệ và xu hướng quốc tế hóa pháp luật, đòi hỏi phải tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện nhằm bảo vệ

an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ quyền con người, quyền công dân; đồng thời, giúp xây dựng một hệ thống thi hành án hình sự tiến bộ, minh bạch và hiệu quả, nhân văn hơn, phù hợp hơn với các chuẩn mực quốc tế.

2. Hạn chế của pháp luật về thi hành án hình sự ở Việt Nam hiện nay

Công tác thi hành án hình sự tại Việt Nam trong những năm qua đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, góp phần bảo

* ThS, Trường Đại học Kiểm sát

đảm tính nghiêm minh của pháp luật, duy trì trật tự xã hội và thực hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế:

Một là, những hạn chế trong Bộ luật Hình sự về hình phạt cảnh cáo.

Theo quy định tại *Bộ luật Hình sự* năm 1999 thì người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi không được áp dụng hình phạt chính là cảnh cáo (Điều 28), vì hình phạt này chỉ áp dụng đối với các tội phạm ít nghiêm trọng (Điều 31); trong khi đó, tại Điều 12 quy định “người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng”. Mặt khác, tại khoản 1 Điều 71 *Bộ luật Hình sự* năm 1999 lại quy định “hình phạt cảnh cáo được áp dụng với người chưa thành niên phạm tội”. Như vậy, đang có sự mâu thuẫn với các quy định tại Điều 25, 29, 70 và vi phạm khoản 2, 4 Điều 69 về nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội.

Bên cạnh đó, *Bộ luật Hình sự* năm 2015 vẫn không đưa ra được khái niệm về hình phạt cảnh cáo, trong khi tên hình phạt đã được quy định chính thức trong hệ thống hình phạt chính của *Bộ luật Hình sự*. Việc chưa đưa ra được định nghĩa với các đặc điểm pháp lý riêng của hình phạt cảnh cáo là còn thiếu sót, khó khăn, không chính thống khi sử dụng nên cũng là một trong những nguyên nhân mà tòa án thường tránh áp dụng hình phạt này. Tính cưỡng chế và tính nghiêm khắc của hình phạt này chưa cao, có thể nói là “không có”, vì đối với hình phạt này thì ngay sau thời điểm tuyên án thì coi như người bị kết án đã chấp hành xong. Do đó, làm giảm ý nghĩa của loại hình phạt này.

Hai là, những hạn chế của quy định trong Bộ luật Hình sự về hình phạt tiền. Cũng như hình phạt cảnh cáo, cả hai *Bộ luật Hình sự* năm 1999 và năm 2015 đều không đưa ra khái niệm về hình phạt tiền. Theo quy định

tại khoản 1 Điều 30 *Bộ luật Hình sự* năm 1999, điều kiện áp dụng là đối với người phạm tội ít nghiêm trọng nhưng đối với một số tội ở phần các tội phạm lại quy định phạt tiền là hình phạt chính ngay cả đối với tội nghiêm trọng, như: tại khoản 1 Điều 155 quy định về tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán hàng cấm “Người nào sản xuất tàng trữ, vận chuyển, buôn bán hàng hóa mà Nhà nước cấm kinh doanh có số lượng lớn, thu lợi bất chính lớn hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi quy định tại Điều này hoặc tại Điều 153, 154, 156, 157, 158, 159 và 161 *Bộ luật* này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 193, 194, 195, 196, 230, 232, 233, 236 và 238 của *Bộ luật* này thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng hoặc phạt tù từ sáu tháng đến năm năm”. Quy định này đã được *Bộ luật Hình sự* năm 2015 khắc phục tại điểm a khoản 1 Điều 35: “Người phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng do *Bộ luật* này quy định”.

Do hình phạt tiền được áp dụng với hai tư cách: vừa là hình phạt chính, vừa là hình phạt bổ sung nhưng lại đều được quy định chung trong chế tài lựa chọn cùng với các hình phạt khác, khiến cho phạm vi áp dụng hình phạt bị thu hẹp và ít được lựa chọn để áp dụng. Khoản 4 Điều 30 *Bộ luật Hình sự* năm 1999, quy định “Tiền phạt có thể được nộp một lần hoặc nhiều lần trong thời hạn do tòa án quyết định trong bản án” nhưng lại không có quy định “nhiều lần” là như thế nào nên đa số các bản án thường chỉ tuyên phạt tiền bị cáo một lần. Sau này, khi *Bộ luật Hình sự* năm 2015 (có hiệu lực) đã sửa đổi bất cập là bỏ quy định về nộp tiền phạt mà về việc này được xử lý theo quy định của thi hành án.

Về tâm lý xã hội, đa số cho rằng, hình phạt này không thể hiện được tính nghiêm minh của pháp luật vì có tiền là thoát tội. Vì

vậy, hình phạt này ít được lựa chọn áp dụng do dễ bị hiểu lầm là “có vấn đề”.

Về hình phạt tiền: việc quy định khoảng cách giữa mức phạt tối thiểu và tối đa trong một số điều luật quá rộng dẫn đến dễ tùy tiện áp dụng. Ví dụ: quy định tại Điều 249 *Bộ luật Hình sự* năm 1999 có khoảng cách chênh lệch là 30 lần. Ngoài ra, *Bộ luật Hình sự* năm 1999 và năm 2015 đều quy định “khi quyết định mức tiền phạt đối với người phạm tội, tòa án phải xét đến tình hình tài sản của họ”. Tuy nhiên, tình hình tài sản của người phạm tội được xác định bằng cách nào thì không có quy định cụ thể, vì ở giai đoạn điều tra cũng như giai đoạn truy tố, các cơ quan tiến hành tố tụng thường không điều tra làm rõ tình hình tài sản của người phạm tội nên khi xét xử, tòa án khó có căn cứ để kết luận về tình hình tài sản của người phạm tội làm cơ sở để quyết định mức hình phạt trong trường hợp áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính. Đây chính là vướng mắc khiến việc áp dụng hình phạt tiền còn khó khăn.

Ba là, những hạn chế của quy định trong *Bộ luật Hình sự* về hình phạt cải tạo không giam giữ:

(1) Về định nghĩa pháp lý của hình phạt này cũng chưa đưa ra được trong cả hai *Bộ luật Hình sự*.

(2) Điều 31 *Bộ luật Hình sự* năm 1999 quy định “tòa án giao người bị phạt cải tạo không giam giữ cho chính quyền địa phương” nhưng không định nghĩa rõ “chính quyền địa phương” là cấp nào? Đồng thời “nơi người đó thường trú” rất dễ hiểu là “nơi đăng ký hộ khẩu thường trú”, như vậy sẽ khó cho việc thi hành hình phạt vì nhiều trường hợp người phạm tội đăng ký hộ khẩu thường trú ở địa phương này nhưng sinh sống, làm việc ở địa phương khác. Chỉ đến khi *Bộ luật Hình sự* năm 2015 có hiệu lực thì mới khắc phục được bất cập này.

(3) Cả hai *Bộ luật Hình sự* năm 1999 và năm 2015 đều quy định “người bị kết án bị

khấu trừ một phần thu nhập từ 5 - 20% để sung quỹ nhà nước”. Tuy nhiên, *Bộ luật Hình sự* năm 1999 lại không quy định được thực hiện như thế nào và trường hợp mất thu nhập thì thực hiện ra sao. *Bộ luật Hình sự* năm 2015 đã khắc phục và quy định lại là “việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hàng tháng” và trong “trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần” (khoản 4 Điều 36).

(4) Về giám sát, giáo dục người bị kết án phạt cải tạo không giam giữ, cơ quan, tổ chức, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thường né tránh không muốn nhận trách nhiệm; công tác kiểm tra, giám sát chưa được thực hiện triệt để, còn tùy tiện, buông lỏng công tác này ở cơ sở, thường giao phó cho gia đình của người chấp hành án, ảnh hưởng đến mục đích của hình phạt đã tuyên.

(5) Vướng mắc trong tổng hợp hình phạt cải tạo không giam giữ: trong thực tiễn, người trong thời gian đang chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ lại phạm tội mới. Người phạm tội mới, bị tòa án phạt tù có thời hạn. Hình phạt cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành tù theo tỷ lệ cứ 3 ngày cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành 1 ngày tù để tổng hợp thành hình phạt chung. Nhưng khi tổng hợp hình phạt theo điểm b khoản 1 Điều 55 và khoản 2 Điều 56 *Bộ luật Hình sự* còn có nhiều quan điểm khác nhau.

Bốn là, những hạn chế của quy định trong *Bộ luật Hình sự* về hình phạt trục xuất. Hạn chế của *Bộ luật Hình sự* là đã không quy định những tiêu chí cụ thể như: phạm vi, điều kiện áp dụng; thời hạn xóa án tích... Chẳng hạn, sau khi người nước ngoài bị kết án đã bị trục xuất ra khỏi lãnh thổ Việt Nam

thì họ có được phép nhập cảnh trở lại Việt Nam ngay hay không? Vấn đề này vẫn chưa được quy định rõ trong *Bộ luật Hình sự*.

3. Một số giải pháp hoàn thiện

Thứ nhất, cần tiếp tục hoàn thiện các quy định về công tác thi hành án hình sự nhằm tháo gỡ, khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thi hành. Việc xây dựng *Luật Thi hành án hình sự* (sửa đổi) là cần thiết nhằm tiếp tục nâng cao, bảo đảm hiệu quả công tác thi hành án hình sự; tiếp tục cụ thể hóa quy định về quyền con người theo *Hiến pháp* năm 2013; thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng trong việc áp dụng khoa học - kỹ thuật, công nghệ - thông tin trong quốc phòng, an ninh; đổi mới phương thức quản lý, giám sát, giáo dục đối với người thi hành án hình sự tại cộng đồng nhằm đáp ứng, phù hợp yêu cầu thực tiễn đặt ra; cần bổ sung chương quy định mới, gồm: quy định về phương thức giám sát điện tử; thực hiện giám sát điện tử; trung tâm giám sát điện tử; trách nhiệm của người bị giám sát điện tử; trường hợp không thực hiện giám sát điện tử; Không giám sát điện tử với phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng.

Thứ hai, đối với hình phạt cảnh cáo. Cần sửa đổi Điều 28 và Điều 71 *Bộ luật Hình sự* để bảo đảm tính thống nhất trong việc áp dụng hình phạt cảnh cáo cho người chưa thành niên; đồng thời, bổ sung khái niệm và đặc điểm pháp lý của hình phạt cảnh cáo, bao gồm: các đặc điểm pháp lý cơ bản, mục đích và hậu quả pháp lý của nó. Điều này sẽ giúp tòa án và các cơ quan tố tụng hiểu rõ hơn về bản chất của hình phạt, từ đó cụ thể hơn trong việc áp dụng. Cần quy định rõ ràng hình phạt cảnh cáo được coi là chấp hành xong ngay sau khi tòa án tuyên án và bản án có hiệu lực pháp luật để tránh sự nhập nhằng cho việc xóa án tích sau này.

Thứ ba, đối với hình phạt tiền. *Bộ Luật Hình sự* cần đưa ra một định nghĩa cụ thể về hình phạt tiền, làm rõ mục đích (trừng phạt

về kinh tế, bù đắp thiệt hại xã hội) và đặc điểm pháp lý, phân biệt với hình thức bồi thường dân sự. Cần nhắc mở rộng các trường hợp có thể áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính cho một số tội phạm nghiêm trọng, nếu phù hợp với tính chất của hành vi và khả năng tài chính của người phạm tội nhằm giảm gánh nặng giam giữ và tận dụng nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Bảo đảm tính minh bạch trong quá trình thu nộp tiền phạt và sử dụng số tiền đó để củng cố niềm tin của công chúng.

Thứ tư, đối với hình phạt cải tạo không giam giữ. Bổ sung khái niệm hình phạt cải tạo không giam giữ theo hướng “làm nổi bật bản chất là hình phạt không tước tự do nhưng có sự giám sát, giáo dục và hạn chế một số quyền của người bị kết án nhằm mục đích cải tạo tại cộng đồng”.

Thứ năm, hoàn thiện quy định về tiêu chí áp dụng và điều kiện trục xuất. *Bộ luật Hình sự* hoặc các văn bản dưới luật cần bổ sung quy định rõ ràng về phạm vi, điều kiện áp dụng hình phạt trục xuất (ví dụ: loại tội phạm, mức độ nguy hiểm của người nước ngoài, tiền án, tiền sự, các yếu tố nhân thân khác). Bên cạnh đó, cần quy định cụ thể về thời hạn người nước ngoài bị trục xuất không được phép nhập cảnh trở lại Việt Nam. Thời hạn này có thể linh hoạt tùy thuộc vào tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm □

Tài liệu tham khảo:

1. Võ Khánh Vinh, Cao Thị Oanh (2013). *Giáo trình Luật Thi hành án hình sự*. H. NXB Khoa học xã hội.
2. *Bản chất của thi hành án hình sự*. <https://tapchitoaan.vn>, ngày 18/3/2022.
3. *Hoàn thiện Luật Thi hành án hình sự để nâng cao hiệu quả cải tạo, giáo dục người phạm tội*. <https://congan.hanoi.gov.vn>, ngày 18/4/2025.
4. *Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật liên quan đến thi hành án hình sự từ thực tiễn công tác thanh tra tại các trại giam thuộc Bộ Công an*. <https://www.quanlynhanuoc.vn>, ngày 16/12/2024.